MA TRẬN, BẢNG ĐẶC TẢ VÀ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI H ỌC KÌ I

**MÔN KHTN – Lớp 8**

**I. KHUNG MA TRẬN**

| **Chủ đề** | **MỨC ĐỘ** | | | | | | | | **Tổng số câu** | | **Điểm số** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |
| **TL** | **TN** | **TL** | **TN** | **TL** | **TN** | **TL** | **TL** | **TL** | **TN** |
| Bài 35: Hệ bài tiết ở người |  | 4 |  |  |  |  |  |  |  | 4 | 1đ |
| Bài 36: Điều hòa môi trường trong của cơ thể người | 1 | 2 |  |  |  |  |  |  | 1 | 2 | 1đ |
| Bài 37: Hệ thần kinh và các giác quan ở người |  |  | 1 |  |  |  |  |  | 1 |  | 1,5đ |
| Bài 38: Hệ nội tiết ở người |  | 2 |  |  |  |  |  |  | 1 | 2 | 1,5 |
| Bài 39: Da và điều hòa thân nhiệt ở người |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Chủ đề 3: Khối lượng riêng và áp suất (12 tiết ) | 1 | 2 | 1(a) | 2 |  |  | 1(b) |  | 2 | 4 | 2,5 |
| Chủ đề 4: Tác dụng làm quay của lực (9 tiết) |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Bài 1:Biến đổi vật lý và biến đổi chất |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Bài 2: Phản ứng hoá học và năng lượng hoá học |  | 1 |  |  |  |  |  |  |  | 1 | 0,25 |
| Bài 3: Định luật BTKH, PTHH |  | 1 |  |  |  |  |  |  |  | 1 | 0,25 |
| Bài 4: Mol và tỉ khối chất khí |  | 1 | 1 |  |  |  |  |  | 1 | 1 | 0,75 |
| Bài 5: Tính theo PTHH |  |  |  |  | 1 |  |  |  | 1 |  | 0,5 |
| Bài 6: Nồng độ dung dịch | 1 |  |  | 1 |  |  |  |  | 1 | 1 | 0,75 |
| **Số câu** | **3** | **13** | **3** | **3** | 1 |  | **1** |  | 8 | 16 |  |
| **Điểm số** | **1,75** | **3,25** | **2,25** | **0,75** | 1,5 |  | **0,5** |  |  |  | **10** |
| **Tổng số điểm** | **5 điểm** | | **3 điểm** | | **1,5 điểm** | | **0,5 điểm** | | **10điểm** | | **10điểm** |

**II. BẢNG ĐẶC TẢ**

| **Nội dung** | **Mức độ** | | **Yêu cầu cần đạt** | **Số câu hỏi** | | **Câu hỏi** | |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TL  (Số ý) | TN  (Số câu) | TL  (Số ý) | TN  (Số câu) |
| **Chủ đề 3: Khối lượng riêng và áp suất (12 tiết)** | | | |  |  |  |  |
| – Khối lượng riêng  – Tác dụng của chất lỏng lên vật đặt trong nó  – Áp suất  – Áp suất trong chất lỏng và trong chất khí | **Nhận biết** | | –Nêu được định nghĩa khối lượng riêng.  – Liệt kê được một số đơn vị đo khối lượng riêng thường dùng.  –Dùng dụng cụ thực hành, khẳng định được: áp suất sinh ra khi có áp lực tác dụng lên một diện tích bề mặt, áp suất =áp lực / diện tích bề mặt.  –Thảo luận được công dụng của việc tăng, giảm áp suất qua một số hiện tượng thực tế.  –Nêu được: Áp suất tác dụng vào chất lỏng sẽ được chất lỏng truyền đi nguyên vẹn theo mọi hướng; lấy được ví dụ minh hoạ.  -Nêu được nội dung định luật Acsimet, biểu thức, chú thích các đại lượng. | **1** | 2 | C17 | C2  C3 |
| **Thông hiểu** | | – Thực hiện thí nghiệm để xác định được khối lượng riêng của một khối hộp chữ nhật, của một vật có hình dạng bất kì, của một lượng chất lỏng.  –Thực hiện thí nghiệm khảo sát tác dụng của chất lỏng lên vật đặt trong chất lỏng, rú tra được: Điều kiện định tính về vật nổi, vật chìm; định luật Archimedes (Acsimet).  –Mô tả được sự tạo thành tiếng động trong tai khi tai chịu sự thay đổi áp suất đột ngột.  –Liệt kê được một số đơn vị đo áp suất thông dụng. | **1** | 2 | C18a | C1 C4 |
| **Vận dụng** | | – Xác định được khối lượng riêng qua khối lượng và thể tích tương ứng, khối lượng riêng = khối lượng / thể tích.  –Thực hiện được thí nghiệm để chứng tỏ tồn tại áp suất khí quyển và áp suất này tác dụng theo mọi phương. |  |  |  |  |
| **Vận dụng cao** | | –Giải thích được một số ứng dụng về áp suất không khí trong đời sống (ví dụ như: giác mút,bình xịt, tàu đệm khí).  - Từ công thức tính lực đẩy Acsimet tìm rong lượng riêng của vật. | **1** |  | C18b |  |
| **Chủ đề 4. Tác dụng làm quay của lực (9 tiết)** | | | |  |  |  |  |
| – Lực có thể làm quay vật  – Đòn bẩy | | **Nhận biết** | –Thực hiện thí nghiệm để mô tả được tác dụng làm quay của lực.  –Nêu được: tác dụng làm quay của lực lên một vật quanh một điểm hoặc một trục được đặc trưng bằng moment lực. |  |  |  |  |
| **Thông hiểu** | –Lấy được ví dụ về một số loại đòn bẩy khác nhau trong thực tiễn. |  |  |  |  |
| **Vận dụng** | –Dùng dụng cụ đơn giản, minh họa được đòn bẩy có thể làm thay đổi hướng tác dụng của lực. |  |  |  |  |
| **Vận dụng cao** | –Sử dụng kiến thức, kĩ năng về đòn bẩy để giải quyết được một số vấn đề thực tiễn. |  |  |  |  |
| Bài35: Hệ bài tiết ở người | | **Nhận biết** | - Cấu tạo hệ bài tiết ở người;  - Nguyên nhân gây hại cho hệ bài tiết ở người. |  | 4 |  | C5,6,7,8 |
| Bài36: Điều hòa môi trường trong của cơ thể người | | **Nhận biết** | - Thành phần cấu tạo môi trường trong của cơ thể người;  - Cân bằng môi trường trong, vai trò.;  - Những vấn đề xảy ra khi mất cân bằng môi trường trong cơ thể người. | **1** | **2** | C19 | C9,10 |
| Bài 37: Hệ thần kinh và các giác quan ở người | | **Thông hiểu** | Sơ đồ hóa quá trình thu nhận âm thanh, giải thích được hoạt động vai trò của vòi tai trong cân bằng áp suất giữa tai và khoang miệng. | 1 |  | C20 |  |
| Bài 38: Hệ nội tiết ở người | | **Nhận biết** | - Nhận biết được các tuyến nội tiết trong cơ thể người  - Chức năng của các tuyến nội tiết.  - Rối loạn hoạt động tuyến nội tiết gây ra điều gì. |  | **2** |  | C11,12 |
| **Vận dụng** | Đề xuất một số biện pháp phòng chống bệnh do rối loạn hoạt động của tuyến nội tiết. | **1** |  | C21 |  |
| **Bài 1. Biến đổi vật lí và biến đổi hoá học** | | **Nhận biết** | - Nhận biết sự biến đổi tính chất vật lí của chất | 1 |  |  |  |
| **Bài 2: Phản ứng hoá học và năng lượng của phản hoá học** | | Nhận biết | – Nêu được khái niệm phản ứng hoá học, chất đầu và sản phẩm,  – Nêu được sự sắp xếp khác nhau của các nguyên tử trong phân tử chất đầu và sản phẩm | 2 |  |  |  |
| Bài 3: Định luật BTKL, PTHH | | Thông hiểu | Hiểu được Định luật BTKL: Trong phản ứng hoá học, khối lượng được bảo toàn, làm bài tập minh hoạ | 1 |  |  |  |
| **Bài 4 Mol và tỉ khối của chất khí** | | **Thông hiểu** | - Tính được khối lượng mol (M); Chuyển đổi được giữa số mol (n) và khối lượng (m).  - Sử dụng được công thức để chuyển đổi giữa số mol và thể tích chất khí ở điều kiện chuẩn: áp suất 1 bar ở 25 °C |  | 1 |  |  |
| **Bài 5.Tính theo phương trình hoá học** | | **Vận dụng** | - Tính được lượng chất trong phương trình hoá học theo số mol, khối lượng hoặc thể tích ở điều kiện 1 bar và 25oC (đkc).  - Tính được hiệu suất của một phản ứng dựa vào lượng sản phẩm thu được theo lí thuyết và lượng sản phẩm thu được theo thực tế. | 1 | 1 |  |  |
| **Bài 6.Nồng độ dung dịch** | | **Nhận biết** | - Nêu được định nghĩa nồng độ phần trăm, nồng độ mol. |  | 1 |  |  |

**c) Đề kiểm tra**

**ĐỀ KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ CUỐI HỌC KÌ I NĂM HỌC 2023 - 2024**

**MÔN KHOA HỌC TỰ NHIÊN 8**

Thời gian làm bài 90 phút

**A. TRẮC NGHIỆM** (4,0 điểm)

Chọn phương án trả lời đúng nhất cho các câu sau (Mỗi câu đúng 0,25 điểm):

Câu 1: Muốn đo khối lượng riêng của viên bi thuỷ tinh, ta cần dung những dụng cụ gì?

A. Chỉ cần dùng một cái cân. B. Chỉ cần dung một cái lực kế.

C. Chỉ cần dùng một cái lực kế. D. Cần dung một cái cân và một bình chia độ.

Câu 2:Đơn vị của lực đẩy Acsimet là:

A. N. B. Pa. C. m/s. D. kg.

Câu 3: Công thức tính áp suất chất lỏng là:

A. P =d.v B. p = dV C. p = d.h D. p = s.h

Câu 4: Càng lên cao, áp suất khí quyển

A. càng tăng. B. càng giảm.

C. không thay đổi. D. có thể tăng và cũng có thể giảm

**Câu 5. Cơ quan nào đóng vai trò quan trọng hơn cả trong quá trình điều hòa thân nhiệt?**

A.Da B. Phổi C. Lưỡi D. Bàn chân

**Câu 6: Sản phẩm bài tiết của thận là gì?**

A. Nước tiểu       B. Nước mắt. C. Phân       D. Mồ hôi

**Câu 7: Việc làm nào dưới đây có hại cho hệ bài tiết ?**

A. Uống nhiều nước. B. Đi chân đất.

C. Nhịn tiểu. D. Không mắc màn khi ngủ

**Câu 8. Môi trường trong của cơ thể gồm:**

A. Nước mô, các tế bào máu, kháng thể.

B. Máu, nước mô, bạch huyết

C. Huyết tương, tế bào máu, kháng thể

D. Máu, nước mô, bạch cầu

**Câu 9. Môi trường trong liên hệ với môi trường ngoài qua:A**

A. Máu, nước mô, bạch cầu

B. Máu, nước mô, bạch huyết

C. Một số hệ cơ quan: Cơ, xương, khớp

D. Một số hệ cơ quan: Hệ tiêu hóa, hệ tuần hoàn, hệ hô hấp, hệ bài tiết,…

**Câu 10. Một người có lượng uric acid trong máu cao hơn bình thường kéo dài. Người này có nguy cơ mắc bệnh gì?**

A. Đái đường B. Tăng khả năng dự trữ đường trong máu

C. Bệnh gout, viêm khớp, suy thận,… D. Bệnh viêm phổi

**Câu 11: Trong cơ thể người, tuyến nội tiết nào đóng vai trò chỉ đạo hoạt động của hầu hết các tuyến nội tiết khác?**

A. Tuyến sinh dục B. Tuyến tuỵ C. Tuyến giáp D. Tuyến yên

**Câu 12: Hiện tượng “người khổng lồ” có liên quan mật thiết đến việc dư thừa hoocmôn nào?**

A. GH     B. FSH C. LH D. TSH

**Câu 13:** Trong các trường hợp dưới đây, trường hợp nào diễn ra biến đổi vật lí:

**A.** Thức ăn bị ôi thiu **B.** Trứng bị thối

**C.** Hiện tượng băng tan. **D.** Đường cháy khét.

**Câu 14:** Cho PTHH sau 2H2 + ? → 2H2O. Chất thích hợp điền vào chỗ trống là

**A.** Cl2 **B.** O2. **C.** N2 **D.** F2

**Câu 15: Chất ban đầu bị biến đổi trong quá trình phản ứng được gọi là gì?**

**A. Chất sản phẩm B. Chất xúc tác**

**C. Chất kết tủa hoặc chất khí D. Chất phản ứng hay chất tham gia**

**Câu 16:** Đốt cháy 3,2g Sulfur cần a gam Oxygen, thu được 6,4 g khí sulfur di oxide, khối lượng a là

**A.** 3,2g  **B.** 2,2g. **C. 4,2g D. 1,2 g**

**B. TỰ LUẬN (6,0điểm)**

Câu 17 (0,75điểm): Áp lực là gì? Viết công thức tính áp suất vật rắn. Chú thích các đại lượng có trong công thức.

Câu 18 (0,75 điểm): Treo một vật ở ngoài không khí vào lực kế, lực kế chỉ 2,1N. Nhúng chìm vật đó vào nước thì số chỉ lực kế 1,9N. Biết trọng lượng riêng của nước là 10000N/m3.

a. Tính lực đẩy Acsimet.

b. Tính thể tích của vật và trọng lượng riêng của vật

**Câu 19:** Cân bằng môi trường trong cơ thể là gì và có vai trò như thế nào đối với cơ thể? (0.5 điểm)

**Câu 20:**

a/ Sơ đồ hóa quá trình thu nhận âm thanh của tai? (0,75 điểm)

b/ Giải thích vai trò của vòi tai trong cân bằng áp suất không khí giữa tai và khoang miệng. (0,75 điểm)

**Câu 21:** [Đề xuất một số biện pháp phòng chống bệnh đái tháo đường.](https://toptailieu.vn/bai-viet/47528/de-xuat-mot-so-bien-phap-phong-chong-benh-dai-thao-duong) (1 điểm)

Câu 22: a.Nêu khái niệm nồng độ phần trăm của dung dịch, Viết Công thức tính nồng độ phần trăm của dung dịch

b.Nêu khái niệm nồng độ mol của dung dịch, viết công thức tính nồng độ mol của dung dịch.

Câu 23: Viết 5 công thức tính số mol ( n)

Câu 24: Cho sơ đồ phản ứng: Al + O2 → Al2O3

1. Lập phương trình hoá học
2. Nếu có 10,8g Al phản ứng. Tính thể tích O2 ( oxygen)- đkc

**---HẾT---**

**d) Hướng dẫn chấm**

**HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ CUỐI KÌ I**

**NĂM HỌC 2023 – 2024**

**MÔN KHOA HỌC TỰ NHIÊN 8**

**A.TRẮC NGHIỆM (4,0 điểm)**

Mỗi câu trả lời đúng được 0,25 điểm

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Câu | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 |
| Đáp án | D | A | C | B | A | A | C | B |
| Câu | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 |
| Đáp án | D | C | D | A | C | B | D | A |

**B. TỰ LUẬN (6,0 điểm)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Đáp án** | **Điểm** |
| **17**  **(0,75đ)** | Áp lực là lực ép có phương vuông góc với mặt bị ép  Công thức:  F là áp lực (N)  S là diện tích bị ép (m2)  P là áp suất (N/m2) | 0,25đ  0,25đ  0,25đ |
| **18**  **(0,75đ)** | a. Lực đẩy Acsimet là  FA = 2,1 – 1,9 = 0,2(N)  b. Vì vật chìm trong nước nên thể tích phần nước bị vật chiếm chỗ bằng thể tích của vật.    Trong lượng riêng của vật là. | 0,25đ  0,25đ  0,25đ |
| 19  (0,5đ) | Cân bằng môi trường trong cơ thể là duy trì sự ổn định môi trường trong cơ thể.  Đảm bảo cho các hoạt động sống của cơ thể diễn ra bình thường. | **0,25 đ**  **0,25 đ** |
| 20  (1,5đ) | a/ Sóng âm đi từ ngoài theo ống tai vào → rung màng nhĩ → tác động vào chuỗi xương tai → tác động vào ốc tai làm rung động màng và dịch → tạo xung thần kinh theo dây thần kinh thính giác lên não (cho ta cảm giác về âm thanh).  b/ Khi áp suất không khí từ tai ngoài tác động đến màng nhĩ sẽ làm màng này cong về phía tai giữa, tuy nhiên do áp suất không khí cũng tác động tương tự vào khoang miệng, nhờ vòi tai đã làm cho áp suất không khí tác động lên phía đối diện của màng nhĩ. Nhờ đó áp suất hai bên màng nhĩ được cân bằng. | **0,75 đ**  **0,75 đ** |
| 21  (1đ) | Một số biện pháp phòng chống bệnh đái tháo đường:  - Cần có chế độ dinh dưỡng phù hợp, luyện tập thể dục thể thao thường xuyên.  - Kiểm soát cân nặng của cơ thể, tránh tình trạng thừa cân, béo phì.  - Không hoặc hạn chế tối đa việc sử dụng các loại chất kích thích như thuốc lá, rượu bia,…  - Thường xuyên kiểm tra lượng đường máu. | **0,25 đ**  **0,25 đ**  **0,25 đ**  **0,25 đ** |
| **22** | Nêu đúng khái niệm |  |
| **23** | Nêu đúng khái niệm  CM = ; ; ;  ; |  |
| **24** | 1. PTHH 4Al + O2 → 2Al2O3   Theo PTHH ta có: |  |

**---HẾT---**

**I. TRẮC NGHIỆM (2 điểm)**

**Câu 5. Cơ quan nào đóng vai trò quan trọng hơn cả trong quá trình điều hòa thân nhiệt?**

A.Da B. Phổi C. Lưỡi D. Bàn chân

**Câu 6: Sản phẩm bài tiết của thận là gì?**

A. Nước tiểu       B. Nước mắt. C. Phân       D. Mồ hôi

**Câu 7: Việc làm nào dưới đây có hại cho hệ bài tiết ?**

A. Uống nhiều nước. B. Đi chân đất.

C. Nhịn tiểu. D. Không mắc màn khi ngủ

**Câu 8. Môi trường trong của cơ thể gồm:**

A. Nước mô, các tế bào máu, kháng thể.

B. Máu, nước mô, bạch huyết

C. Huyết tương, tế bào máu, kháng thể

D. Máu, nước mô, bạch cầu

**Câu 9. Môi trường trong liên hệ với môi trường ngoài qua:A**

A. Máu, nước mô, bạch cầu

B. Máu, nước mô, bạch huyết

C. Một số hệ cơ quan: Cơ, xương, khớp

D. Một số hệ cơ quan: Hệ tiêu hóa, hệ tuần hoàn, hệ hô hấp, hệ bài tiết,…

**Câu 10. Một người có lượng uric acid trong máu cao hơn bình thường kéo dài. Người này có nguy cơ mắc bệnh gì?**

A. Đái đường B. Tăng khả năng dự trữ đường trong máu

C. Bệnh gout, viêm khớp, suy thận,… D. Bệnh viêm phổi

**Câu 11: Trong cơ thể người, tuyến nội tiết nào đóng vai trò chỉ đạo hoạt động của hầu hết các tuyến nội tiết khác?**

A. Tuyến sinh dục B. Tuyến tuỵ C. Tuyến giáp D. Tuyến yên

**Câu 12: Hiện tượng “người khổng lồ” có liên quan mật thiết đến việc dư thừa hoocmôn nào?**

A. GH     B. FSH C. LH D. TSH

**II. TỰ LUẬN (3 điểm)**

**Câu 21:** Cân bằng môi trường trong cơ thể là gì và có vai trò như thế nào đối với cơ thể? (0.5 điểm)

**Câu 22:**

a/ Sơ đồ hóa quá trình thu nhận âm thanh của tai? (0,75 điểm)

b/ Giải thích vai trò của vòi tai trong cân bằng áp suất không khí giữa tai và khoang miệng. (0,75 điểm)

**Câu 23:** [Đề xuất một số biện pháp phòng chống bệnh đái tháo đường.](https://toptailieu.vn/bai-viet/47528/de-xuat-mot-so-bien-phap-phong-chong-benh-dai-thao-duong) (1 điểm)

**--------------------- Hết ---------------------**

**HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ I**

**NĂM HỌC 2023- 2024**

**Môn: KHTN – Lớp 8**

**I.TRẮC NGHIỆM: 4,0 điểm (đúng mỗi câu được 0,25 điểm)**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** |
| **Đáp án** | A | A | C | B | D | C | D | A |

**II. TỰ LUẬN:** 6,0 điểm

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Đáp án** | **Điểm** |
| Câu 9 | Cân bằng môi trường trong cơ thể là duy trì sự ổn định môi trường trong cơ thể.  Đảm bảo cho các hoạt động sống của cơ thể diễn ra bình thường. | **0,25 đ**  **0,25 đ** |
| Câu 10 | a/ Sóng âm đi từ ngoài theo ống tai vào → rung màng nhĩ → tác động vào chuỗi xương tai → tác động vào ốc tai làm rung động màng và dịch → tạo xung thần kinh theo dây thần kinh thính giác lên não (cho ta cảm giác về âm thanh).  b/ Khi áp suất không khí từ tai ngoài tác động đến màng nhĩ sẽ làm màng này cong về phía tai giữa, tuy nhiên do áp suất không khí cũng tác động tương tự vào khoang miệng, nhờ vòi tai đã làm cho áp suất không khí tác động lên phía đối diện của màng nhĩ. Nhờ đó áp suất hai bên màng nhĩ được cân bằng. | **0,75 đ**  **0,75 đ** |
| Câu 11 | Một số biện pháp phòng chống bệnh đái tháo đường:  - Cần có chế độ dinh dưỡng phù hợp, luyện tập thể dục thể thao thường xuyên.  - Kiểm soát cân nặng của cơ thể, tránh tình trạng thừa cân, béo phì.  - Không hoặc hạn chế tối đa việc sử dụng các loại chất kích thích như thuốc lá, rượu bia,…  - Thường xuyên kiểm tra lượng đường máu. | **0,25 đ**  **0,25 đ**  **0,25 đ**  **0,25 đ** |

| **Nội dung** | **Mức độ** | **Yêu cầu cần đạt** | **Số ý TL/số câu hỏi TN** | | **Câu hỏi** | |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TL**  **(S.ý)** | **TN**  **S.câu** | **TL**  **(S.ý)** | **TN**  **(S.câu)** |
| Bài 35: Hệ bài tiết ở người | **Nhận biết** | - Cấu tạo hệ bài tiết ở người;  - Nguyên nhân gây hại cho hệ bài tiết ở người. |  | 4 |  | C5,6,7,8 |
| Bài36: Điều hòa môitrường trong của cơ thể người | **Nhận biết** | - Thành phần cấu tạo môi trường trong của cơ thể người;  - Cân bằng môi trường trong, vai trò.;  - Những vấn đề xảy ra khi mất cân bằng môi trường trong cơ thể người. | **1** | **2** | C21 | C9,10 |
| Bài 37: Hệ thần kinh và các giác quan ở người | **Thông hiểu** | Sơ đồ hóa quá trình thu nhận âm thanh, giải thích được hoạt động vai trò của vòi tai trong cân bằng áp suất giữa tai và khoang miệng. | 1 |  | C22 |  |
| Bài 38: Hệ nội tiết ở người | **Nhận biết** | - Nhận biết được các tuyến nội tiết trong cơ thể người  - Chức năng của các tuyến nội tiết.  - Rối loạn hoạt động tuyến nội tiết gây ra điều gì. |  | **2** |  | C11,12 |
| **Vận dụng** | Đề xuất một số biện pháp phòng chống bệnh do rối loạn hoạt động của tuyến nội tiết. | **1** |  | C23 |  |

**ĐỀ 2:**

**I. TRẮC NGHIỆM (2 điểm)**

**Câu 1. Cơ quan nào đóng vai trò quan trọng hơn cả trong quá trình điều hòa thân nhiệt?**

A.Da B. Phổi C. Lưỡi D. Bàn chân

**Câu 2: Sản phẩm bài tiết của thận là gì?**

A. Nước tiểu       B. Nước mắt. C. Phân       D. Mồ hôi

**Câu 3: Việc làm nào dưới đây có hại cho hệ bài tiết ?**

A. Uống nhiều nước. B. Đi chân đất.

C. Nhịn tiểu. D. Không mắc màn khi ngủ

**Câu 4. Môi trường trong của cơ thể gồm:**

A. Nước mô, các tế bào máu, kháng thể.

B. Máu, nước mô, bạch huyết

C. Huyết tương, tế bào máu, kháng thể

D. Máu, nước mô, bạch cầu

**Câu 5. Môi trường trong liên hệ với môi trường ngoài qua:A**

A. Máu, nước mô, bạch cầu

B. Máu, nước mô, bạch huyết

C. Một số hệ cơ quan: Cơ, xương, khớp

D. Một số hệ cơ quan: Hệ tiêu hóa, hệ tuần hoàn, hệ hô hấp, hệ bài tiết,…

**Câu 6. Một người có lượng uric acid trong máu cao hơn bình thường kéo dài. Người này có nguy cơ mắc bệnh gì?**

A. Đái đường B. Tăng khả năng dự trữ đường trong máu

C. Bệnh gout, viêm khớp, suy thận,… D. Bệnh viêm phổi

**Câu 7: Trong cơ thể người, tuyến nội tiết nào đóng vai trò chỉ đạo hoạt động của hầu hết các tuyến nội tiết khác?**

A. Tuyến sinh dục B. Tuyến tuỵ C. Tuyến giáp D. Tuyến yên

**Câu 8: Hiện tượng “người khổng lồ” có liên quan mật thiết đến việc dư thừa hoocmôn nào?**

A. GH     B. FSH C. LH D. TSH

**II. TỰ LUẬN (6 điểm)**

**Câu 9:** Em hãy nêu các bước sơ cứu người bị cảm nóng? (1 điểm)

**Câu 10:** Trình bày thành phần cấu tạo của máu? Chức năng của các thành phần? (1.5 điểm)

**Câu 11.** Nêu các biện pháp bảo vệ hô hấp tránh khỏi những tác nhân gây hại cho hệ hô hấp? ( 0,5 điểm)

**HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ I**

**NĂM HỌC 2023- 2024**

**Môn: KHTN – Lớp 8**

**ĐỀ 2:**

**I.TRẮC NGHIỆM: 4,0 điểm (đúng mỗi câu được 0,25 điểm)**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** |
| **Đáp án** | A | A | C | B | D | C | D | A |

**II. TỰ LUẬN:** 6,0 điểm

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Câu | Đáp án | Điểm |
| Câu 9: | Bước 1: Di chuyển đến nơi thoáng mát.  Bước 2: Gọi cấp cứu 115  Bước 3: Hạ nhiệt toàn thân như:  + Làm mát tức thì  + Lau người bằng nước ấm và quạt để tăng sự bốc hơi.  + Cởi bớt quần áo.  + Chườm khăn ướt ở nách, cổ | 0.25  0.25  0.5 |
| Câu 21   (1.0) | Thành phần cấu tạo của máu gồm  +Huyết tương chiếm 55%  +Các tế bào máu 45% gồm ba loại tế bào: hồng cầu, bạch cầu và tiểu cầu.  Chức năng của các thành phần của máu  + Huyết tương giúp vận chuyển các chất.  + Hồng cầu: Chứa huyết sắc tố vận chuyển Oxygen và carbon dioxide.  + Bạch cầu: Tham gia bảo vệ cơ thể.  + Tiểu cầu: Có vai trò quan trọng trong đông máu | 0.75đ  0.75đ |
| Câu 22   (0.5) | Những biện pháp bảo vệ hô hấp tránh khỏi những tác nhân gây hại  + Xây dựng môi trường trong sạch  + Trồng nhiều cây xanh  + Giữ vệ sinh môi trường  + Vệ sinh cá nhân sạch sẽ  + Không hút thuốc lá  + Hạn chế sử dụng thiết bị có thải khí độc  + Đeo khẩu trang khi lao động ở nơi có nhiều bụi, khi đi đường… | 0.25đ  0.25đ |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Đáp án** | **Điểm** |
| Câu 22   (0.5) | Những biện pháp bảo vệ hô hấp tránh khỏi những tác nhân gây hại  + Xây dựng môi trường trong sạch  + Trồng nhiều cây xanh  + Giữ vệ sinh môi trường  + Vệ sinh cá nhân sạch sẽ  + Không hút thuốc lá  + Hạn chế sử dụng thiết bị có thải khí độc  + Đeo khẩu trang khi lao động ở nơi có nhiều bụi, khi đi đường… | 0.25đ  0.25đ |